

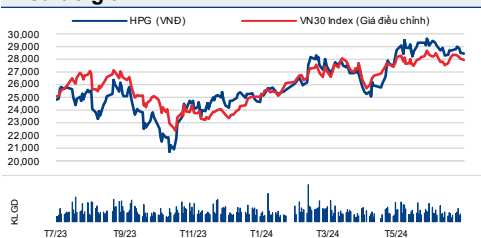
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ38,600
Tiềm năng tăng/giảm: 35.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/7/2024)	28,450
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,727-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	28,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	181,974
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,173
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,400
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.1%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	145,628	170,701
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	25,255	32,647
LNTT (tỷ đồng)	7,793	15,294	19,194
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	13,029	16,715
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(28,677)	(6,553)
EPS ĐC (đồng)	1,117	2,037	2,613
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	19,013	21,126
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	53.6	29.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	82.4	28.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	17.3	19.1
Tỷ suất LNTTT (%)	6.55	10.5	11.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	9.42	10.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	23.3	36.4
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	53.9	54.3
ROAE (%)	6.88	12.2	13.7
ROACE (%)	8.62	12.7	14.1
EV/doanh thu (lần)	1.65	1.59	1.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.9	9.19	7.27
P/E ĐC (lần)	25.5	14.0	10.9
P/B (lần)	1.61	1.50	1.35
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.76	3.51

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Sản lượng tiêu thụ tháng 6: Tăng mạnh so với cùng kỳ, dẫn dắt bởi thép xây dựng

- Hiệp hội Thép Việt Nam đã công bố báo cáo tháng 6, cho thấy sản lượng thép tiêu thụ của HPG đạt 746.377 tấn – tăng 17% so với cùng kỳ, nhưng giảm 11% so với tháng trước do yếu tố mùa vụ và nhu cầu HRC giảm nhẹ – được hỗ trợ bởi nhu cầu thép xây dựng (tăng 27% so với cùng kỳ).
- Kết quả tháng 6 dẫn đến sản lượng tiêu thụ Q2/2024 của HPG là 2,51 triệu tấn, tăng 39% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước, và sản lượng tiêu thụ 6 tháng đầu năm 2024 đạt 4,6 triệu tấn (tăng 35% so với cùng kỳ).
- Lợi nhuận thuần Q2/2024 dự báo đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (tăng 139% so với cùng kỳ và 22% so với quý trước), tương đương lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2024 đạt 6,4 nghìn tỷ đồng (tăng 243% so với cùng kỳ). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 38.600đ, tiềm năng tăng giá 36%.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 6

Hiệp hội Thép Việt Nam gần đây đã công bố báo cáo tháng 6 về sản lượng tiêu thụ thép hàng tháng của ngành. Sản lượng thép tiêu thụ tháng 6 của HPG đạt 746.377 tấn, tăng 17% so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với tháng trước (chủ yếu do yếu tố mùa vụ).

Thép xây dựng vẫn là động lực tăng trưởng chính

HPG đã tiêu thụ tổng cộng 364.186 tấn thép xây dựng trong tháng 6, tăng 27% so với cùng kỳ, bao gồm:

- 250.186 tấn ở thị trường trong nước, tăng 7% so với cùng kỳ; và
- 114.000 tấn ở thị trường xuất khẩu, tăng 117% so với cùng kỳ.

HPG dường như đã đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trong tháng này để bù đắp phần nào nhu cầu yếu hơn ở thị trường nội địa trong bối cảnh mùa mưa. So với tháng trước, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tháng 6 giảm 17%, trong đó nhu cầu trong nước giảm 25% nhưng sản lượng xuất khẩu tăng 12%.

Kết quả tháng 6 dẫn đến sản lượng thép xây dựng trong Q2/2024 cũng như trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 1,3 triệu tấn (tăng 62% so với cùng kỳ và 33% so với quý trước) và 2,2 triệu tấn (tăng 35% so với cùng kỳ). Đáng chú ý, tỷ lệ đóng góp của nội địa đã tăng lên 74,2% trong Q2/2024 so với 65,9% trong quý trước (Q2/2023: 81,3%); điều này giúp HPG mở rộng tỷ suất lợi nhuận của mình vì tỷ suất lợi nhuận nội địa thường cao hơn so với hoạt động xuất khẩu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ tháng 6 & Q2/2024

Sản lượng tháng 6 tăng 17% so với cùng kỳ nhờ mảng thép xây dựng, nhưng giảm 11% so với tháng trước do ảnh hưởng của các yếu tố mùa vụ

Tấn	T6/2024	% sv cùng kỳ	% sv tháng trước	Q2/2024	% sv cùng kỳ	% sv quý trước
Sản phẩm thượng nguồn	653,342	21.0%	-11.4%	2,196,202	43.7%	18.7%
Thép xây dựng	364,186	27.3%	-16.5%	1,271,321	62.1%	32.9%
Phôi thép	60,000	2303.8%	1.3%	200,862	2019.9%	128.9%
HRC	229,156	-8.9%	-5.4%	724,019	-1.4%	-10.1%
Ống thép	53,608	-8.1%	-16.2%	187,692	13.8%	44.7%
Tôn mạ	39,427	1.2%	9.4%	124,126	17.2%	26.7%
Tổng sản lượng tiêu thụ	746,377	17.1%	-10.9%	2,508,020	39.4%	20.7%
Thép thô	760,000	46.1%	-0.4%	2,261,772	40.4%	6.5%

Nguồn: VSA, HSC

Nhu cầu HRC yếu hơn dự kiến

Trong tháng 6, HPG chỉ tiêu thụ được 229.156 tấn sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC), giảm 9% so với cùng kỳ và 5% so với tháng trước. Sản lượng tiêu thụ tháng này là mức thấp nhất kể từ tháng 4/2023, cho thấy sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các sản phẩm Trung Quốc bán phá giá tại Việt Nam. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ HRC trong Q2/2024 và trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 724.019 tấn (giảm 1% so với cùng kỳ và 10% so với Quý trước) và 1,5 triệu tấn (tăng 25,7% so với cùng kỳ). Cụ thể hơn:

- Sản lượng HRC tiêu thụ nội địa trong tháng 6 đạt 159.156 tấn (tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm 14% so với tháng trước); và
- Sản lượng HRC xuất khẩu tháng 6 giảm 29% so với cùng kỳ xuống 70.000 tấn (tăng 24% so với tháng trước).

Xu hướng sản lượng tiêu thụ theo tháng của HRC khớp với xu hướng của thép xây dựng: nhu cầu tại thị trường nội địa yếu hơn và xuất khẩu tăng để bù đắp một phần cho sự yếu kém của nhu cầu trong nước. Mặc dù nhu cầu thấp hơn, tỷ trọng sản lượng HRC trong nước trong Q2/2024 đã cải thiện đáng kể lên 74,9% so với 58,9% trong quý trước (Q2/2023: 53,1%); điều này chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu trong nước mạnh mẽ trong tháng 4 và tháng 5.

Tăng trưởng sản lượng tiêu thụ ống thép và tôn mạ không đồng đều

Trong tháng 6, HPG chỉ tiêu thụ được 53.608 tấn ống thép, giảm 8% so với cùng kỳ và 16% so với tháng trước, chủ yếu do nhu cầu yếu tại thị trường trong nước. Theo đó, sản lượng tiêu thụ ống thép Q2/2024 và 6 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 187.692 tấn (tăng 14% so với cùng kỳ và 45% so với quý trước) và 317.374 tấn (giảm 2,4% so với cùng kỳ). Mặc dù nhu cầu về sản phẩm ống thép trong Q2/2024 có sự phục hồi mạnh mẽ, nhưng nhu cầu từ đầu năm đến nay vẫn yếu vì ống thép chủ yếu được tiêu thụ trong nước.

Về tôn mạ, sản lượng tiêu thụ tháng 6 đạt 39.437 tấn, tăng 1% so với cùng kỳ và 9% so với tháng trước, dẫn đến sản lượng Q2/2024 và 6 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 124.126 tấn (tăng 17% so với cùng kỳ và 27% so với quý trước) và 222.089 tấn (tăng 27% so với cùng kỳ). Xuất khẩu chiếm 62% sản lượng tiêu thụ tháng 6.

Giá thép gần đây đã giảm nhẹ

Giá thép trên toàn cầu đã giảm nhẹ trong tháng 7. Theo đó, HPG gần đây đã giảm giá thép xây dựng của mình 200đ/kg đối với thép thanh và 100đ/kg đối với thép cuộn từ đầu năm đến nay như sau:

- Giá thép thanh/thép cuộn hiện nay là gần 14.050đ/kg và 13.810đ/kg, giảm lần lượt 1,1% so với cùng kỳ và 1,8% so với cùng kỳ xuống mức thấp nhất trong năm.
- Giá HRC cũng giảm xuống 552 USD/tấn (14.045đ/kg) đối với đơn đặt hàng giao tháng 9, giảm 3,2% so với tháng trước và 1,4% so với đầu năm.

Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài trong thời gian còn lại của năm, tỷ suất lợi nhuận của HPG sẽ thu hẹp lại. Tuy nhiên, HSC cho rằng nhu cầu sẽ cải thiện vào cuối năm (trong Q4) và việc Fed có khả năng cắt giảm lãi suất vào tháng 9 sẽ giúp nổi lại nhu cầu thép của Mỹ.

Dự báo KQKD Q2/2024

Sản lượng tiêu thụ Q2/2024 khả quan, với hơn 2,5 triệu tấn thép được bán ra, tăng 39% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước, chủ yếu nhờ mảng thép xây dựng cải thiện và nhu cầu nội địa tăng. Theo đó, sản lượng tiêu thụ trong nửa đầu năm 2024 đạt 4,6 triệu tấn, tăng 35% so với cùng kỳ. HSC ước tính giá bán bình quân thép xây dựng Q2/2024 ở mức 14.171đ/kg, giảm 1,6% so với quý trước và 5,8% so với cùng kỳ, trong khi giá HRC ước tính là 589 USD/tấn, giảm 3,7% so với quý trước và 13% so với cùng kỳ.

Mức tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng tiêu thụ dự kiến sẽ bù trừ hoàn toàn cho phần giảm giá trong giá bán bình quân, trong khi tỷ suất lợi nhuận dự báo sẽ mở rộng so với cùng kỳ và so với quý trước do chi phí đầu vào bắt đầu rớt từ Q2/2024. Nhìn chung, HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần Q2/2024 đạt 3.495 tỷ đồng (tăng 139% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 36.487 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ).

Duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 38.600đ (tiềm năng tăng giá 36%). HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,4 lần, cao hơn một chút so với bình quân 5 năm ở mức 11 lần – mức định giá cao hơn này là hợp lý nhờ triển vọng tươi sáng của HPG (lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 49%).

Bảng 2: Ước tính lợi nhuận Q2/2024, HPG

HSC dự báo lợi nhuận thuần Q2/2024 đạt 3.495 tỷ đồng (tăng 139% so với cùng kỳ & tăng 22% so với quý trước) nhờ sản lượng tiêu thụ tăng và tỷ suất lợi nhuận mở rộng

Tỷ đồng	Q2/2023	Q2/2024F	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2023	6T2024F	% so với cùng kỳ	2024F	% đạt dự báo HSC
Doanh thu thuần	29,496	36,487	23.7%	18.3%	56,085	67,340	20.1%	145,628	46.2%
Lợi nhuận thuần	1,460	3,495	139.4%	21.8%	1,858	6,365	242.7%	13,714	46.4%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	4.9%	9.6%			3.3%	9.5%			

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	145,628	170,701	201,390
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	20,537	26,450	33,569
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(3,932)	(4,609)	(5,438)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	16,605	21,841	28,131
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,384)	(2,732)	(3,819)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	72.8	85.4	101
LN TT	9,923	7,793	15,294	19,194	24,413
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,529)	(1,536)	(1,953)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	(50.0)	(64.1)	(81.6)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	13,714	17,594	22,379
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	13,029	16,715	21,260
EBITDA ĐC	19,893	16,443	25,255	32,647	40,556
EPS (đồng)	1,459	1,175	2,144	2,751	3,499
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	2,037	2,613	3,324
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	16,642	19,403	34,098
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	14,563	17,070	20,139
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	14,563	17,070	20,139
Hàng tồn kho	34,491	34,504	42,232	49,503	58,403
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	5,097	6,828	9,063
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	93,097	109,875	141,841
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	123,576	132,476	119,881
TSCĐ vô hình	634	211	232	255	281
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	6,885	8,052	9,483
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	131,261	141,321	130,150
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	224,358	251,196	271,991
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	61,164	64,866	70,486
Phải trả người bán	11,107	12,387	14,563	17,070	20,139
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,346	2,318	2,401
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	80,137	86,675	95,883
Nợ dài hạn	11,152	10,399	20,152	26,870	23,511
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	2,339	2,340	2,342
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	22,491	29,210	25,853
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	102,629	115,886	121,736
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	121,614	135,130	149,994
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	116	180	262
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	121,730	135,310	150,255
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	224,358	251,196	271,991
BVPS (đ)	16,511	17,674	19,013	21,126	23,450
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	64,673	72,333	59,900

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	16,605	21,841	28,131
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(8,650)	(10,806)	(12,425)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,384)	(2,732)	(3,819)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,529)	(1,536)	(1,953)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(17,884)	(17,793)	(22,314)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,527)	(3,642)	(4,871)
LCT thuần từ HKKD	12,192	9,472	5,657	13,147	16,131
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(34,335)	(19,699)	177
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	7,494	(2,532)	(3,100)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(26,730)	(22,072)	(2,788)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	28,646	18,083	10,946
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	25,448	11,686	1,351
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	16,642	19,403
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	4,375	2,761	14,695
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	16,642	19,403	34,098
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(28,677)	(6,553)	16,308

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	14.1	15.5	16.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	17.3	19.1	20.1
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	9.42	10.3	11.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	10.0	8.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	22.4	17.2	18.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	53.6	29.3	24.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	101	28.3	27.2
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	82.4	28.3	27.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	82.4	28.3	27.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	23.3	36.4	42.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	12.2	13.7	15.7
ROACE (%)	12.3	8.62	12.7	14.1	16.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.71	0.72	0.77
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.34	0.60	0.57
Số ngày tồn kho	101	119	123	125	127
Số ngày phải thu	29.0	36.8	42.5	43.2	43.8
Số ngày phải trả	32.5	42.6	42.5	43.2	43.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	53.9	54.3	40.8
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	36.6	36.9	35.0
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	12.0	7.99	7.37
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.26	2.84	2.35
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.16	1.27	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.34	1.65	1.59	1.39	1.10
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.49	11.9	9.19	7.27	5.47
P/E (lần)	19.5	24.2	13.3	10.3	8.13
P/E ĐC (lần)	20.5	25.5	14.0	10.9	8.56
P/B (lần)	1.72	1.61	1.50	1.35	1.21
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.76	3.51	5.27

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn